

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Á - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/DS-ST  
Ngày: 22 – 9 – 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Liệt;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thùy T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Trần Thanh P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 372B, khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1983.  
Địa chỉ: Số nhà 07, Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/8/2022).

**2. Bị đơn:**

- 2.1. Ông Mai Phước L, sinh năm 1979;
- 2.2. Bà Nguyễn Mộng Á, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số nhà 626B, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Thanh P có người đại diện hợp pháp là chị Lê Thị Thùy T trình bày:*

Vào ngày 19/01/2018, ông Mai Phước L và bà Nguyễn Mộng Á có vay của ông Trần Thanh P số tiền vốn gốc là 22.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,66%/tháng. Tính từ ngày vay đến ngày 19/02/2020 thì ông L và bà Á đã trả lãi được số tiền là 373.000 đồng/tháng, đóng được 25 tháng (tính đến ngày 19/02/2020), với số tiền lãi đã đóng là 9.325.000 đồng, và trả được số tiền vốn là 1.175.000 đồng (trả 01 lần), tổng cộng vốn và lãi đã trả là 10.500.000 đồng, từ ngày 19/02/2020 đến nay, ông L và bà Á không thanh toán cho ông P được số tiền vốn và lãi nào.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/8/2022, ông P yêu cầu ông L và bà Á trả số tiền vốn gốc còn nợ là 21.325.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng trên số tiền nợ vốn gốc tính từ ngày 19/3/2020 đến ngày vụ án được giải quyết xong.

Tại phiên tòa, ông P có chị T là người đại diện hợp pháp yêu cầu ông L và bà Á trả cho ông P tiền nợ vốn là 16.675.000 đồng và tiền lãi 4.278.000 đồng (lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 19/11/2018 đến ngày 11/9/2022), tổng cộng vốn và lãi là 20.953.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Phước L và bà Nguyễn Mộng Á đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông L và bà Á không có văn bản ghi ý kiến về việc ông P yêu cầu có trách nhiệm trả tiền vay, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn ông L và bà Á chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

*Việc giải quyết vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L và bà Á có trách nhiệm trả cho ông P số tiền vay còn nợ là 20.953.000 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 16.675.000 đồng và tiền lãi là 4.278.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Mai Phước L và bà Nguyễn Mộng Á có địa chỉ tại xã B, huyện

T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông P về việc yêu cầu ông L và bà A có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 20.953.000 đồng, đồng thời ông P rút đối với yêu cầu ông L và bà A trả số tiền vốn 4.650.000 đồng. Xét thấy:

Việc thỏa thuận giữa ông P và ông L, bà A là hoàn toàn tự nguyện. Ông P trình bày, vào ngày 19/01/2018, ông P có cho ông L, bà A vay số tiền là 22.500.000 đồng để ông L, bà A tiêu dùng cá nhân và sinh hoạt trong gia đình, từ ngày vay đến ngày 19/02/2020, ông L, bà A đã thanh toán được tiền vốn là 1.175.000 đồng, tiền lãi là 9.325.000 đồng, tổng cộng là 10.500.000 đồng. Từ ngày 19/02/2020 đến ngày 19/9/2022, ông L, bà A không tiếp tục trả tiền vốn và lãi theo thỏa thuận cho ông P nên còn nợ lại số tiền là 20.957.619 đồng, trong đó tiền vốn là 16.668.750 đồng, tiền lãi là 4.288.869 đồng với lãi suất 0,83%/tháng. Đối với ông L, bà A, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa ông L, bà A đều không có ý kiến phản bác, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cho nên ông L, bà A đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý là phải có nghĩa vụ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể ông L, bà A phải có trách nhiệm trả cho ông P số tiền vay còn nợ là 20.957.619 đồng.

Tại phiên tòa, ông P có người đại diện hợp pháp là chị T yêu cầu ông L, bà A có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 20.953.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền vốn vay 372.000 đồng, do ông P xin rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của ông P.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P nên ông L, bà A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P.

Buộc ông Mai Phước L và bà Nguyễn Mộng A có trách nhiệm trả cho ông Trần Thanh P số tiền vay còn nợ là 20.953.000 đồng, trong đó tiền vốn là 16.675.000 đồng, tiền lãi 4.278.000.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông P về việc yêu cầu ông L, bà A trả số tiền vốn vay là 372.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc ông Mai Phước L và bà Nguyễn Mộng A chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.048.000 đồng.

Trả cho ông Trần Thanh P tiền tạm ứng án phí đã nộp là 727.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010202 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Xuân Nữ**



